

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 206/2022/HSPT
Ngày: 02-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2022/TLPT-HS, ngày 04/10/2022 đối với các bị cáo: Thái Minh T; Đặng Minh L (B); Vg Sà V; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HSST, ngày 10/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Thái Minh T**, sinh ngày: 12-7-1977 tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 4, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: ấp TA, xã AB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: lớp 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: Nam; con ông Thái Minh H (đã chết) và bà Lê Ngọc A (đã chết); có vợ là Hồ Thị Thúy K (ly hôn tháng 7-2022) và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-01-2022; (có mặt).

2. **Đặng Minh L** (Tên gọi khác: B), sinh ngày: 04-11-1990 tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp TH, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: ấp PT 2, xã P, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: Nam; con ông Đặng Văn Đ và bà Hồ Thị N; có vợ là Lương Thị Tuyết Tr và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-3-2022; (có mặt).

3. **Vuông Sà V**, sinh ngày: 10-5-1997 tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp TP, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kh'me; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; con ông Vg V1 và bà Sà Kun Sa V2; có chồng là Phan Th và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 8/2021 Vuông Sà V được một người đàn ông tên Ha (không rõ lai lịch) thuê để đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công là 1.000.000 đồng/người. Cùng thời gian này Thái Minh T được người phụ nữ (không rõ lai lịch) sử dụng zalo chữ Trung Quốc thuê đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công là 800.000 đồng/người và người phụ nữ này cung cấp số điện thoại của V để T liên lạc cùng thực hiện. Ngày 6/9/2021 người phụ nữ đó thông qua một tài khoản ngân hàng của một người tên Trần Đình S chuyển vào tài khoản của Thái Minh T 6.000.000 đồng để trả tiền cho các khách sạn (không rõ địa điểm) 4.100.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng T hưởng lợi.

Đến ngày 9/9/2022, T điện thoại cho Đặng Minh L đến khách sạn Mỹ Mỹ đón, đưa người tên S muốn xuất cảnh sang Campuchia thuê với giá 800.000 đồng; còn T đến khách sạn Đồng Quê đón 3 người tên là S1, T1, H1 và hẹn gặp L tại khu vực ngã ba Trường Cao Đăng sư phạm Tây Ninh. Khi đến điểm hẹn, L và T chở khách đến dãy nhà trọ gần lô cao su thuộc ấp HT, xã TH, huyện TC rồi điện thoại cho V và người phụ nữ thuê chở người, tại đây cũng có 4 người khác đang chờ đưa xuất cảnh trái phép sang Campuchia và được hai người đàn ông đi mô tô đến chở 4 người đến chòi ruộng thuộc ấp ĐB, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Đến 2 giờ 20 phút, ngày 10/9/2021 người đàn ông tên Ha (không rõ lai lịch) nhắn tin yêu cầu V xuống chòi ruộng dẫn 4 người đưa đến khu vực cột mốc phụ 96/3 thuộc ấp ĐB, xã TĐ, huyện TC giao cho Ha thì bị lực lượng Bộ đội Biên Phòng Kà Tum phát hiện, bắt giữ và chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: trong khoảng thời gian từ ngày 20-8-2021 đến ngày 07-9-2021, T đã tổ chức 05 lần đưa tổng cộng 16 người Việt Nam sang Campuchia hưởng lợi được 11.900.000 đồng; V cùng T, L 03 đã lần đưa tổng cộng 12 người hưởng lợi được 12.000.000 đồng; L tham gia cùng T 03 lần đưa tổng cộng 06 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia hưởng lợi được 2.400.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HSST ngày 10/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 54, 58, 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Minh T 03 (Ba) năm tù; Đặng Minh L (B) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Vuông Sà V 02 (Hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”; thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23 và 25/8/2022 các bị cáo T, L, V kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Thái Minh T: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình; bị cáo cũng chỉ chờ đến địa điểm còn cách xa biên giới, rồi người khác mới chờ tiếp; mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đặng Minh L: Bị cáo chờ thuê cho anh T, bị cáo nghĩ chờ khách như chạy xe bình thường; mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Vuông Sà V: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, bị cáo là người dân tộc; mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 10/8/2022 và các bị cáo đã làm đơn kháng cáo ngày 23 và 25/8/2022, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: ngày 09/9/2021 và ngày 10/9/2021, Thái Minh T, Đặng Minh L, Vuông Sà V tổ chức cho 04 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Trước đó, trong khoảng thời gian từ ngày 20-8-2021 đến ngày 07-9-2021, T đã tổ chức 05 lần; V cùng T, L tổ chức 03 lần; L cùng T tổ chức 03 lần đưa nhiều người xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất, nhập cảnh của Nhà nước và làm mất trật tự trị an tại khu vực biên giới; nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm và xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe và phòng chống tội phạm.

[3] Trong vụ án này, các bị cáo tham gia không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo V là người đóng vai trò trung tâm, là người nhận người tại khu vực sát biên giới để tổ chức đưa qua Campuchia. Bị cáo T và bị cáo L là người nhận chở người thuê giao lại cho bị cáo V; bị cáo T thì thực hiện việc tổ chức nhiều lần cho nhiều người khác qua biên giới hơn các bị cáo khác; vai trò của 2 bị cáo này là như nhau và đáng lẽ phải chịu hình phạt như nhau nhưng cấp sơ thẩm lại xác định bị cáo T đóng vai trò chính và bị cáo V có vai trò cuối cùng là chưa chính xác. Việc phân hóa người phạm tội không chính xác dẫn đến ảnh hưởng việc cá thể hóa hình phạt. Tuy nhiên, trong vụ án này chỉ có các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không có kháng nghị tăng hình phạt nên không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo V.

[4] Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra tình tiết nào mới, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo và quyết định dưới mức khung hình phạt mà các bị cáo phải chịu. Tuy nhiên, để đảm bảo tính công bằng giữa các bị cáo cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T và bị cáo L; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo T và bị cáo L được chấp nhận nên 2 bị cáo không phải chịu; kháng cáo của bị cáo V không được chấp nhận nên bị cáo V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Minh T và Đặng Minh L, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Sà V; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

1. Tuyên bố các bị cáo: Thái Minh T, Đặng Minh L và Vương Sà V phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Thái Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Đặng Minh L (B) 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Vương Sà V 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Vương Sà V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo khác không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện TC;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TC;
- CCTHADS huyện TC;
- VKSND huyện TC;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Thịnh